

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5583/BYT-BM-TE

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2018

V/v khảo sát tình hình nhân lực sản, nhi
trên toàn quốc.

Kính gửi: Sở Y tế các tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương

Để có căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới chăm sóc sức khỏe sinh sản, nâng cao chất lượng dịch vụ đặc biệt là năng lực hồi sức cấp cứu sản khoa và sơ sinh của cán bộ y tế, Bộ Y tế tiến hành “Khảo sát tình hình nhân lực sản, nhi trên toàn quốc”.

Bộ công cụ khảo sát gồm 4 mẫu phiếu:

Mẫu 1: Phiếu khảo sát tại Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh/ đơn vị tương đương;

Mẫu 2: Phiếu khảo sát về Chăm sóc sức khỏe sinh sản tại bệnh viện phụ sản/ Bệnh viện nhi, Bệnh viện đa khoa tỉnh/ thành phố, Bệnh viện đa khoa khu vực có khoa sản, khoa nhi.

Mẫu 3: Phiếu khảo sát về Chăm sóc sức khỏe sinh sản tại bệnh viện huyện/ Trung tâm Y tế huyện

Mẫu 4: Phiếu tổng hợp về Chăm sóc sức khỏe sinh sản tại trạm y tế xã/ phường.

File điện tử tải về tại: <http://mch.yte.gov.vn/pages/vanban.html>

Mẫu phiếu và hướng dẫn cụ thể tại phụ lục kèm theo.

Bộ Y tế trân trọng đề nghị Sở Y tế các giao Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản/ hoặc đơn vị tương đương làm đầu mối thu thập số liệu của địa phương và gửi toàn bộ phiếu về Bộ Y tế (qua Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội) trước ngày **10/10/2018**

Thông tin liên hệ Ths Đỗ Thu Thủy, điện thoại 0915833340; Ths
Nghiem Thị Xuân Hạnh điện thoại 0904138938.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ trưởng (để BC);
- TT CSSKSS tỉnh(để th/h) ;
- Lưu: VT, BM-TE.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT.VỤ TRƯỞNG VỤ SỨC KHỎE BÀ MẸ - TRẺ EM
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Trần Đăng Khoa

Hướng dẫn cách thức thu thập thông tin Khảo sát nhân lực sản nhi

I. Hướng dẫn thu thập phiếu

1. Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh hoặc đơn vị tương đương được giao nhiệm vụ đầu mối thu thập thông tin của khảo sát theo Bộ công cụ có sẵn gồm 4 mẫu phiếu:

Mẫu 1: Phiếu khảo sát tại Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh/ đơn vị tương đương: Phiếu này do Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh/ thành phố hoặc đơn vị tương đương là Trung tâm kiểm soát bệnh tật, mỗi đơn vị 01 phiếu.

Mẫu 2: Phiếu khảo sát về CSSKSS tại bệnh viện phụ sản/ Bệnh viện nhi, Bệnh viện đa khoa tỉnh/ thành phố, Bệnh viện đa khoa khu vực có khoa sản, khoa nhi: Phiếu này do Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản hoặc đơn vị tương đương gửi đến tất cả các bệnh viện phụ sản/ Bệnh viện nhi, Bệnh viện đa khoa tỉnh/ thành phố, bệnh viện đa khoa khu vực có khoa sản, khoa nhi tại địa phương để thu thập thông tin, mỗi đơn vị 01 phiếu.

Mẫu 3: Phiếu khảo sát về SKSS tại bệnh viện huyện/ Trung tâm Y tế huyện: Phiếu này do Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản hoặc đơn vị tương đương gửi đến tuyến Huyện. Nếu trường hợp huyện có Bệnh viện huyện và Trung tâm y tế huyện, mỗi đơn vị điền 01 phiếu. Nếu trường hợp huyện chỉ có Trung tâm y tế hai chức năng, thì mỗi huyện chỉ điền 01 phiếu.

Mẫu 4: Phiếu tổng hợp về CSSKSS tại trạm y tế xã/ phường: Phiếu này do Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản hoặc đơn vị tương đương gửi đến đơn vị đầu mối CSSKSS tuyến huyện, cán bộ tuyến huyện sẽ điền phiếu, mỗi huyện 01 phiếu.

2. Sau nhận phiếu đã thu thập các tuyến, Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh hoặc đơn vị tương đương kiểm tra lại tính chính xác trong phiếu và gửi toàn bộ phiếu về Bộ Y tế (qua Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em) trước ngày 10/10/2018.

II/ Kinh phí hỗ trợ khảo sát:

- Kinh phí hỗ trợ các Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh hoặc đơn vị tương đương được giao nhiệm vụ đầu mối thu thập thông tin khảo sát theo Bộ công cụ: 5 người x 5 ngày x 90.000 đồng/ngày = 2.250.000 đồng/tỉnh.
Chi tiết về chứng từ xin liên hệ: Chị Hải 0904154539.

Mã phiếu _____

PHIẾU KHẢO SÁT TẠI TRUNG TÂM CSSKSS TỈNH/ĐƠN VỊ TƯƠNG ĐƯƠNG

Để có căn cứ xây dựng kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo trong việc phát triển bền vững mạng lưới CSSKSS, tăng cường khả năng tiếp cận phổ cập và nâng cao chất lượng dịch vụ CSSKSS, Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế đề nghị đơn vị thu thập và điền các thông tin vào biểu mẫu dưới đây:

THÔNG TIN CHUNG

Tỉnh/Thành phố: Số huyện/quận/thị xã: Số xã/phường/thị trấn:

Họ tên Giám đốc đơn vị:

Số điện thoại: Email:

Họ tên lãnh đạo phụ trách lĩnh vực SKSS:

Chức vụ:

Số điện thoại: Email:

Họ tên người điền phiếu:

Chức vụ:

Số điện thoại: Email:

I. Tổ chức

Không có kế hoạch sát nhập ☐

Có kế hoạch sát nhập ☐

Với BV ĐK ☐ Năm

Với BV Phụ sản ☐

Với BV Sản-Nhi ☐

Với Trung tâm YTDP ☐

Khác

Đã sát nhập ☐

Với BV ĐK ☐ Ngày ... tháng ... năm ...

Với BV Phụ sản ☐

Với BV Sản-Nhi ☐

Với Trung tâm YTDP ☐

Khác

II. Nhân lực chuyên môn tại Trung tâm CSSKSS tỉnh/Đơn vị tương đương

TT	Bảng cấp chuyên môn	Số lượng	Ghi chú
1.	Tiến sĩ/BSCKII Sản		
2.	Thạc sĩ/BSCKI Sản		
3.	Tiến sĩ/BSCKII Nhi		
4.	Thạc sĩ/BSCKI Nhi		
5.	Tiến sĩ Y tế công cộng		
6.	Thạc sĩ/BSCKI Y tế công cộng		
7.	Cử nhân y tế công cộng		
8.	BS chuyên khoa sơ bộ/định hướng Sản		
9.	BS chuyên khoa sơ bộ/định hướng Nhi		
10.	Bác sĩ đa khoa		
11.	Y sỹ sản nhi		
12.	Hộ sinh đại học		
13.	Điều dưỡng đại học chuyên ngành phụ sản		
14.	Hộ sinh cao đẳng		
15.	Hộ sinh trung cấp		

III. Các dịch vụ chính đang được cung cấp tại Trung tâm CSSKSS tỉnh/đơn vị tương đương

Cung cấp dịch vụ: Có ☐ Không ☐ Lý do

Các dịch vụ chính đang cung cấp:

TT	Dịch vụ	Có thực hiện	Không thực hiện	Lý do không thực hiện ¹
	A. Sản phụ khoa/KHHGD			
1.	Khám thai, quản lý thai			
2.	Sàng lọc trước sinh, phát hiện thai dị tật bẩm sinh			
3.	Khám, xét nghiệm chẩn đoán và điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản và lây truyền qua đường tình dục			
4.	Sàng lọc ung thư cổ tử cung			
5.	Điều trị lộ tuyến CTC, sùi mào gà âm hộ, âm đạo bằng phương pháp đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser hoặc áp lạnh			
6.	Lọc rửa, bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI)			
7.	Đặt và tháo dụng cụ tử cung			
8.	Cấy thuốc tránh thai			
9.	Tiêm thuốc tránh thai			
10.	Phá thai bằng phương pháp hút chân không dưới 7 tuần tuổi thai			
11.	Phá thai bằng bơm hút 2 van đến 12 tuần tuổi thai			
12.	Phá thai bằng thuốc đến hết 09 tuần tuổi thai			
	B. Nhi khoa			
13.	Khám, chữa bệnh thường gặp ở trẻ em			
14.	Khám tư vấn dinh dưỡng			
	C. Các dịch vụ khác			
15.	Tổ chức triển khai dịch vụ sức khỏe sinh sản thân thiện với vị thành niên và thanh niên			
16.	Khám, tư vấn và điều trị các rối loạn tiền mãn kinh và mãn kinh			
17.	Khám, tư vấn, điều trị nam học			
	D. Xét nghiệm/thăm dò cận lâm sàng			
18.	Xét nghiệm sàng lọc HIV			
19.	Xét nghiệm sàng lọc viêm gan B			
20.	Xét nghiệm sàng lọc giang mai			
21.	Quan sát cổ tử cung với axit axetic (VIA)			
22.	Xét nghiệm tế bào âm đạo-cổ tử cung			
23.	Tinh dịch đồ			
24.	Siêu âm sản phụ khoa			
25.	Soi cổ tử cung			
26.	X quang vú (Chụp nhũ ảnh)			
27.	Đo độ loãng xương			

Xác nhận của Lãnh đạo TTCSSKSS tỉnh
(hoặc đơn vị tương đương)

(Ký tên, đóng dấu)

.... ngày tháng năm 2018
Người cung cấp thông tin

(Ký tên)

¹ Ghi rõ lý do không thực hiện: 1) Thiếu CB được đào tạo; 2) Thiếu xét nghiệm chuyên ngành; 3) Thiếu trang thiết bị; 4) Khác (ghi rõ)

**PHIẾU KHẢO SÁT VỀ CSSKSS TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN / BỆNH VIỆN NHI/
BỆNH VIỆN SẢN-NHI, BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH-TP /
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CÓ KHOA SẢN, KHOA NHI**

Để có căn cứ xây dựng kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo trong việc phát triển bền vững mạng lưới CSSKSS, tăng cường khả năng tiếp cận phổ cập và nâng cao chất lượng dịch vụ CSSKSS, Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế đề nghị đơn vị thu thập và điền các thông tin vào biểu mẫu dưới đây:

THÔNG TIN CHUNG

Tỉnh/Thành phố:

Tên đầy đủ của Bệnh viện:

Loại Bệnh viện: Đa khoa tỉnh ☐ Đa khoa khu vực ☐ Phụ sản ☐ Phụ Sản-Nhi ☐ Nhi ☐

Loại khác(ghi rõ)

Tên người điền phiếu:

Chức vụ:

Số điện thoại: Email:

Thiết lập hệ thống báo động đỏ (cấp cứu sản khoa/nhi khoa): Đã thiết lập ☐ Chưa thiết lập ☐

Tổ chức Khoa/Đơn nguyên sơ sinh:

TT	Nội dung	Có	Không có (Nếu lý do không có)
1	Có Khoa Sơ sinh tại Bệnh viện		
2	Có Đơn nguyên Sơ sinh:		
	- Tại Khoa Nhi		
	- Tại Khoa Sản		
3	Số giường sơ sinh tại Khoa/Đơn nguyên Sơ sinh:		

I. Nhân lực chuyên ngành sản-nhi/sơ sinh tại Bệnh viện

TT	Bảng cấp chuyên môn	Số lượng	Ghi chú
Sản phụ khoa			
1.	Tiến sĩ/BSCKII Sản		
2.	Thạc sĩ/BSCKI Sản		
3.	BS chuyên khoa định hướng Sản		
4.	Bác sĩ đa khoa làm công tác phụ sản		
5.	Y sỹ sản nhi		
6.	Hộ sinh đại học		
7.	Điều dưỡng đại học chuyên ngành phụ sản		
8.	Hộ sinh cao đẳng		
9.	Hộ sinh trung cấp		
Nhi khoa			
10.	Tiến sĩ/BSCKII Nhi		
11.	Thạc sĩ/BSCKI Nhi		
12.	BS chuyên khoa định hướng Nhi		
13.	Bác sĩ đa khoa/chuyên khoa khác làm công tác nhi khoa		
	<i>Trong đó số cán bộ đang thực hiện chăm sóc và điều trị sơ sinh tại khoa/đơn nguyên sơ sinh:</i>		
14.	Tiến sĩ/BSCKII		

TT	Bằng cấp chuyên môn	Số lượng	Ghi chú
15.	Thạc sĩ/BSCKI		
16.	BS chuyên khoa định hướng		
17.	Bác sĩ đa khoa/chuyên khoa khác		
18.	Điều dưỡng đại học		
19.	Điều dưỡng trung cấp/cao đẳng		
20.	Hộ sinh		
	<i>Số cán bộ đã được đào tạo liên tục về chăm sóc và điều trị sơ sinh bệnh lý sinh (chỉ tính những người có tổng thời gian các khóa đào tạo từ 1 tháng trở lên):</i>		
21.	Bác sĩ		
22.	Điều dưỡng		
23.	Hộ sinh		
Chuyên ngành khác			
24.	Bác sĩ gây mê hồi sức		
25.	Kỹ thuật viên gây mê hồi sức		
26.	Điều dưỡng viên gây mê hồi sức		

II. Các dịch vụ chính về chăm sóc sơ sinh đang được cung cấp tại Bệnh viện:

TT	Dịch vụ	Có thực hiện	Không thực hiện	Lý do không thực hiện ¹
1.	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ			
2.	Chăm sóc trẻ sơ sinh đẻ non/nhẹ cân			
3.	Điều trị rối loạn thân nhiệt ở trẻ sơ sinh			
4.	Điều trị rối loạn nước điện giải			
5.	Chiếu đèn điều trị vàng da tăng bilirubin gián tiếp			
6.	Thay máu ở trẻ sơ sinh vàng da tăng bilirubin gián tiếp			
7.	Truyền máu và chế phẩm máu			
8.	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn			
9.	Nuôi dưỡng trẻ sơ sinh bằng đường tĩnh mạch			
10.	Đặt ống nội khí quản			
11.	Chọc hút và đặt ống dẫn lưu màng phổi			
12.	Chọc dò tủy sống			
13.	Bơm surfactan			
14.	Hỗ trợ hô hấp bằng máy tạo áp lực dương liên tục không xâm nhập (CPAP)			
15.	Thở máy			
16.	Thở máy cao tần			

¹ Ghi rõ lý do không thực hiện: 1) Thiếu cán bộ được đào tạo; 2) Thiếu xét nghiệm chuyên ngành; 3) Thiếu trang thiết bị; 4) Khác (ghi rõ)

III. Triển khai can thiệp chăm sóc trẻ bằng phương pháp Kangaroo (KMC):

1. Số liệu về trẻ sơ sinh: số liệu năm 2017 và 6 tháng năm 2018.

Năm	Tổng số trẻ ra sống	TS trẻ sinh non theo tuần tuổi thai			TS trẻ < 2500g (nhưng tuổi thai ≥ 37 tuần)	Trẻ non tháng/nhẹ cân nhập vào khoa/đơn nguyên sơ sinh		TS trẻ sinh non/nhẹ cân chuyển vào khoa chăm sóc hậu sản	
		<28	28-<32	32 - <37		Tổng nhập	Số trẻ được thực hiện KMC	Tổng nhập	Số trẻ được thực hiện KMC
2017									
6 tháng năm 2018									

2. Đào tạo:

2.1. Đào tạo về KMC

Nhóm nhân viên theo chức danh chuyên môn	Tổng số	Đã được đào tạo KMC	Năm đào tạo	Số người cần được đào tạo tiếp
Bác sĩ Nhi hoặc Sơ sinh				
Điều dưỡng Nhi				
Bác sĩ Sản				
Hộ sinh				
Khác (ghi rõ, NVYT phòng mổ, phòng chăm sóc trước sinh)				

2.2. Đào tạo về Chăm sóc thiết yếu bà mẹ, trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ/mổ đẻ (EENC)

Nhóm nhân viên theo chức danh chuyên môn	Tổng số	Số người đã được đào tạo EENC		Số người cần được đào tạo tiếp	
		EENC đẻ thường	EENC mổ lấy thai	EENC đẻ thường	EENC mổ lấy thai
Bác sĩ Sản					
Hộ sinh					
Bác sĩ Nhi/Sơ sinh					
Điều dưỡng Nhi					
Khác (ghi rõ NVYT phòng mổ, phòng chăm sóc trước sinh)					

3. Một số thông tin về thực hiện KMC

Nếu Bệnh viện đã thực hiện KMC, đề nghị cho biết:

3.1. Bệnh viện đã thực hiện KMC từ bao giờ? Từ tháng, năm

3.2. Khoa thực hiện KMC:

Khoa Nhi Có ☐ Không ☐
 Khoa/Đơn nguyên Sơ sinh (NCU) Có ☐ Không ☐
 Khoa Hồi sức Cấp cứu Sơ sinh (NICU) Có ☐ Không ☐
 Khoa Sản Có ☐ Không ☐
 Khoa KMC riêng Có ☐ Không ☐

3.3. Bệnh viện đã thực hiện KMC cho những nhóm trẻ nào sau đây: chọn câu trả lời phù hợp

- Tất cả các trẻ non tháng/nhẹ cân có đủ điều kiện làm KMC
- Chỉ một số trẻ đáp ứng các tiêu chuẩn của bệnh viện mới được thực hiện KMC

Ghi rõ các tiêu chuẩn của bệnh viện:

.....

3.4. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho việc thực hiện KMC tại bệnh viện

1. Số phòng KMC
2. Số giường KMC
3. Số phòng tắm cho gia đình KMC:.....
4. Số bồn rửa tay tại đơn vị KMC:

3.5. Hiện tại Bệnh viện đang thực hiện KMC cho trẻ sinh non, nhẹ cân theo mô hình nào dưới đây? (trả lời tất cả các câu).

Trẻ sinh non/nhẹ cân được xác định là các trẻ tuổi thai < 37 tuần và/hoặc cân nặng khi sinh < 2500 gram		
Tất cả trẻ sinh non/nhẹ cân ổn định được thực hiện tiếp xúc da-kề-da ngay sau đẻ	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Tất cả trẻ sinh non/nhẹ cân ổn định sau sinh mổ được thực hiện tiếp xúc da-kề-da từ ngay sau sinh tại phòng mổ	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Tất cả trẻ sinh non/nhẹ cân để thường được cách ly mẹ chuyển đến Khoa/đơn nguyên sơ sinh để theo dõi một thời gian	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Trẻ sinh non/nhẹ cân sinh mổ được cách ly mẹ chuyển đến Khoa/đơn nguyên sơ sinh để theo dõi một thời gian	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Trẻ sinh non/nhẹ cân sinh thường ổn định được tiếp xúc da-kề-da với mẹ ngay sau đẻ, sau đó tiếp tục được thực hiện KMC liên tục ² với mẹ/người thân tại Khoa/đơn nguyên sơ sinh hoặc khoa hậu sản	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Trẻ sinh non/nhẹ cân sinh mổ ổn định được thực hiện tiếp xúc da-kề-da ngay sau đẻ tại phòng mổ sau đó tiếp tục được thực hiện KMC liên tục với mẹ/người thân tại Khoa/đơn nguyên sơ sinh hoặc khoa hậu sản	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Trẻ sinh non/nhẹ cân suy hô hấp cần hỗ trợ oxy hoặc CPAP được thực hiện tiếp xúc da-kề-da ngay sau sinh tại phòng sinh	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Trẻ sinh non/nhẹ cân suy hô hấp cần hỗ trợ oxy hoặc CPAP được thực hiện tiếp xúc da-kề-da ngay sau sinh tại phòng mổ	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
KMC liên tục cho trẻ sinh non, nhẹ cân có hỗ trợ oxy tại khoa/đơn nguyên sơ sinh	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
KMC liên tục cho trẻ sinh non, nhẹ cân có hỗ trợ CPAP tại khoa/đơn nguyên sơ sinh	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
KMC ngắt quãng cho trẻ sinh non, nhẹ cân có hỗ trợ oxy/CPAP tại khoa/đơn nguyên sơ sinh	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
KMC ngắt quãng ³ cho trẻ sinh non, nhẹ cân có hỗ trợ thở máy xâm nhập tại khoa/đơn nguyên sơ sinh	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Thực hiện KMC cho trẻ sơ sinh phải chuyển viện: Trẻ sơ sinh được tiếp xúc da-kề-da và được giữ ấm bằng mũ và tất trong quá trình chuyển viện	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Trẻ được thực hiện KMC có thể xuất viện khi trẻ tăng cân đầy đủ, được cho bú đúng cách và đáp ứng các tiêu chí xuất viện, trẻ không cần phải có cân nặng đủ 2500gr để xuất viện	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Bệnh viện đã xây dựng tiêu chí cho trẻ KMC xuất viện	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Bệnh viện đã xây dựng phác đồ theo dõi lâu dài cho trẻ KMC sau khi xuất viện	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>

4. Kế hoạch triển khai của bệnh viện và đề nghị hỗ trợ thực hiện phương pháp KMC cho trẻ sinh non/nhẹ cân:

.....

Xác nhận của Lãnh đạo Bệnh viện

.... ngày tháng năm 2018
 Người điền phiếu

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên)

² KMC liên tục: tiếp xúc da-kề-da kéo dài ít nhất 18 tiếng mỗi ngày giữa mẹ hoặc người thân với con

³ KMC ngắt quãng: tiếp xúc da-kề-da kéo dài ít nhất 1 tiếng mỗi ngày giữa mẹ hoặc người thân với con

PHIẾU KHẢO SÁT VỀ CSSKSS TẠI BỆNH VIỆN HUYỆN/ TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN

Để có căn cứ xây dựng kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo trong việc phát triển bền vững mạng lưới CSSKSS, tăng cường khả năng tiếp cận phổ cập và nâng cao chất lượng dịch vụ CSSKSS, Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế đề nghị đơn vị thu thập và điền các thông tin vào biểu mẫu dưới đây:

THÔNG TIN CHUNG

Huyện/quận/thị xã/TP: Tỉnh:

Tên người điền phiếu:

Chức vụ:

Số điện thoại: Email:

Tại bệnh viện/TTYT có Phòng/Đơn nguyên/Đơn vị sơ sinh riêng không? Không ☐ Có ☐ Số giường sơ sinh:

I. Nhân lực tại Bệnh viện/TTYT huyện

TT	Bảng cấp chuyên môn	Số lượng	Ghi chú
Sản phụ khoa			
1.	Tiến sĩ/BSCKII Sản		
2.	Thạc sĩ/BSCKI Sản		
3.	BS chuyên khoa định hướng Sản		
4.	Bác sĩ đa khoa làm công tác phụ sản		
5.	Y sỹ sản nhi		
6.	Hộ sinh đại học		
7.	Điều dưỡng đại học chuyên ngành phụ sản		
8.	Hộ sinh cao đẳng		
9.	Hộ sinh trung cấp		
Nhi khoa			
10.	Tiến sĩ/BSCKII Nhi		
11.	Thạc sĩ/BSCKI Nhi		
12.	BS chuyên khoa định hướng Nhi		
13.	Bác sĩ đa khoa/chuyên khoa khác làm công tác nhi khoa		
	<i>Trong đó số cán bộ đang thực hiện chăm sóc và điều trị sơ sinh tại khoa/đơn nguyên sơ sinh:</i>		
14.	Tiến sĩ/BSCKII		
15.	Thạc sĩ/BSCKI		
16.	BS chuyên khoa định hướng		
17.	Bác sĩ đa khoa/chuyên khoa khác		
18.	Điều dưỡng đại học		
19.	Điều dưỡng trung cấp/cao đẳng		
20.	Hộ sinh		
	<i>Số cán bộ đã được đào tạo liên tục về chăm sóc và điều trị sơ sinh (chỉ tính những người có tổng thời gian các khóa đào tạo từ 1 tháng trở lên):</i>		
21.	Bác sĩ		
22.	Điều dưỡng		
23.	Hộ sinh		
Chuyên ngành khác			
24.	Bác sĩ gây mê hồi sức		
25.	Kỹ thuật viên gây mê hồi sức		
26.	Điều dưỡng viên gây mê hồi sức		

II. Trang thiết bị (còn sử dụng được)

TT	Loại TTB	Số lượng	Ghi chú
A. Trang thiết bị chăm sóc sơ sinh			
1.	Cân trẻ sơ sinh, thước đo chiều dài và vòng đầu		
2.	Nhiệt kế		
3.	Bàn/Giường hồi sức sơ sinh		
4.	Giường sưởi ấm, lồng ấp		
5.	Bộ hồi sức sơ sinh ¹		
6.	Máy hút nhót cho trẻ sơ sinh		
7.	Đèn chiếu vàng da		
8.	Máy thở áp lực dương liên tục (CPAP)		
9.	Máy đo đường huyết tại giường		
10.	Máy đo độ bão hòa oxygen qua da		
11.	Hệ thống thở oxygen: bộ trộn oxygen - khí trời		
12.	Máy xét nghiệm nồng độ Bilirubin máu mao mạch		
13.	Máy đo pH máu thai nhi		
14.	Bơm tiêm điện		
15.	Máy truyền dịch		
B. Trang thiết bị sản phụ khoa			
1.	Máy monitoring sản khoa		
2.	Máy đốt cổ tử cung (đốt điện, đốt nhiệt hoặc áp lạnh)		
C. Trang thiết bị cận lâm sàng			
1.	Máy siêu âm sản khoa		
2.	Máy soi cổ tử cung		
D. Trang thiết bị cho phòng mổ			
1.	Trang thiết bị mổ nội soi		
2.	Bộ dụng cụ cắt tử cung		
3.	Bộ dụng cụ mổ lấy thai		
4.	Bộ hồi sức sơ sinh		
5.	Máy gây mê		
6.	Bơm tiêm điện		

III. Các dịch vụ chăm sóc CSSKSS đang được cung cấp tại bệnh viện/TTYT huyện

TT	Dịch vụ	Có thực hiện	Không thực hiện	Lí do không thực hiện ²
A. Sản phụ khoa				
1.	Mổ lấy thai			
2.	Điều trị ARV khi chuyển dạ			
3.	Mổ cắt tử cung bán phần cấp cứu			
4.	Mổ chữa ngoài tử cung cấp cứu			
5.	Mổ cấp cứu u nang buồng trứng xoắn			
6.	Mổ nội soi trong sản phụ khoa			
7.	Truyền máu			
8.	Điều trị lộ tuyến CTC, sùi mào gà âm hộ, âm đạo bằng phương pháp đốt điện, đốt laser hoặc áp lạnh			
9.	Cấy thuốc tránh thai			
10.	Phá thai bằng thuốc đến hết 9 tuần tuổi thai			
11.	Phá thai bằng bơm hút chân không 2 van đến hết 12 tuần tuổi thai			
12.	Phá thai bằng phương pháp nong và nạo đến hết 12 tuần tuổi thai			
B. Sơ sinh				
13.	Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ			
14.	Chăm sóc trẻ sơ sinh đẻ non/nhẹ cân			
15.	Chăm sóc trẻ bằng phương pháp Kangaroo			
16.	Điều trị rối loạn thân nhiệt ở trẻ sơ sinh			

¹ (1) Máy hút và ống hút; (2) Bóng bóp cỡ 200ml đến 250ml, mặt nạ sơ sinh số 0 và số 1; (3) Bộ đặt nội khí quản sơ sinh, ống nội khí quản sơ sinh các cỡ: 2; 2,5; 3; 3,5

² Ghi rõ lý do không thực hiện: 1) Thiếu cán bộ được đào tạo; 2) Thiếu xét nghiệm chuyên ngành; 3) Thiếu trang thiết bị; 4) Khác (ghi rõ)

TT	Dịch vụ	Có thực hiện	Không thực hiện	Lí do không thực hiện ²
17.	Điều trị rối loạn nước điện giải			
18.	Chiếu đèn điều trị vàng da tăng bilirubin gián tiếp			
19.	Truyền máu và chế phẩm máu			
20.	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn			
21.	Nuôi dưỡng trẻ sơ sinh bằng đường tĩnh mạch			
22.	Đặt ống nội khí quản			
23.	Chọc dò tủy sống			
24.	Hỗ trợ hô hấp bằng máy tạo áp lực dương liên tục không xâm nhập (CPAP)			
	C. Các dịch vụ khác			
25.	Tổ chức triển khai dịch vụ sức khỏe sinh sản thân thiện với vị thành niên và thanh niên			
26.	Khám, tư vấn và điều trị các rối loạn tiền mãn kinh và mãn kinh			
27.	Điều trị loãng xương cho PN cao tuổi			
28.	Khám, tư vấn, điều trị các rối loạn cương ở nam giới			
29.	Khám, tư vấn, điều trị vô sinh nam			
30.	Khám, tư vấn và điều trị các rối loạn mãn dục nam.			
31.	Bệnh viện có tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ chuyển tuyến cấp cứu về sản phụ/nhi khoa cho tuyến xã			
	D. Xét nghiệm			
32.	Xét nghiệm sàng lọc HIV			
33.	Xét nghiệm Viêm gan B			
34.	Xét nghiệm Giang mai			
35.	Xét nghiệm tế bào học âm đạo-cổ tử cung			
36.	Tinh dịch đồ			
	E. Cận lâm sàng khác			
37.	Siêu âm sàng lọc trước sinh			
38.	Soi cổ tử cung			
39.	Chụp buồng tử cung			
40.	X quang vú			
41.	Đo độ loãng xương			

Xác nhận của Lãnh đạo Bệnh viện huyện

.... ngày tháng năm 2018

Người điền phiếu

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên)

PHIẾU TỔNG HỢP VỀ CSSKSS TẠI TRẠM Y TẾ XÃ / PHƯỜNG

Để có căn cứ xây dựng kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo trong việc phát triển bền vững mạng lưới CSSKSS, tăng cường khả năng tiếp cận phổ cập và nâng cao chất lượng dịch vụ CSSKSS, Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế đề nghị đơn vị thu thập và điền các thông tin vào biểu mẫu dưới đây.

THÔNG TIN CHUNG

Huyện/quận/thị xã/TP: Tỉnh:
Tên người điền phiếu:
Chức vụ:
Số điện thoại: Email:

1. Bảng tổng hợp về nhân lực chuyên môn tại trạm y tế

STT	Tên xã	Số BS định hướng Sản	Số BS định hướng Nhi	Số BSDK	Số YSSN	Số HS ĐH	Số ĐD ĐH chuyên ngành PS	Số HS cao đẳng	Số HS trung cấp	Số HS sơ cấp
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										
8										
...										

2. Bảng tổng hợp về một số dịch vụ chính tại trạm y tế

STT	Tên xã	Khám thai, quản lý thai	Đỡ đẻ			Lý do không đỡ đẻ ¹	Thử protein nước tiểu	XN nhanh HIV	XN nhanh Giang mai	XN nhanh VGB	Khám phụ khoa	VIA	Lấy bệnh phẩm âm đạo- CTC gửi xét nghiệm tế bào	Tiêm thuốc tránh thai	Đặt Dụng cụ tử cung	Hút thai <7 tuần	Lý do không hút thai ¹
			Số ca đẻ tại TYT 2015	Số ca đẻ tại TYT 2016	Số ca đẻ tại TYT 2017												
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
6																	
7																	
8																	
...																	

¹ Lý do không thực hiện đỡ đẻ hoặc hút thai: 1) Gắn bệnh viện; 2) Không đủ điều kiện về cơ sở vật chất; 3) Thiếu nhân lực; 4) Khác (ghi rõ)

Xác nhận của Lãnh đạo Trung tâm Y tế huyện

..... ngày tháng năm 2018

Người cung cấp thông tin

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký tên)